TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒN ĐẤT** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **76**/2019/HNGĐ-ST.
Ngày 28/06/2019.
V/v *"Xin ly hôn và nuôi con".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hồng Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Đoạt

2/ Ông Nguyễn Thành Thái

***Thư ký phiên tòa ghi biên bản phiên tòa*:** Ông Đặng Thanh Sang - Thư ký TAND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn đất tham phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hậu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 06 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 210/2019/TLST - HNGĐ ngày 23/05/2019 về việc "*Xin ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23/05/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Trần Cao P**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp R, xã B, huyện H, tỉnh K.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Ngọc B**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp R, xã B, huyện H, tỉnh K.

(Ông P, bà B có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/05/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Trần Cao P trình bày như sau:*

- *Về hôn nhân*: Vào năm 1994 ông Trần Cao P và bà Nguyễn Ngọc B tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau; ông bà về chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu ông bà chung sống với nhau rất hạnh phúc, đến đầu năm 2015 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn chủ yếu là về vấn đề tình cảm vợ chồng, ông bà luôn bất đồng trong quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên ông P và bà B đã sống ly thân với nhau được hơn 02 năm. Nay ông P yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Ngọc B.

- *Về con chung*: Có 03 người con chung tên Trần Cao Đ, sinh ngày 27/02/1995, Trần Cao T, sinh ngày 04/05/1997 và Trần Thị Kim T1, sinh ngày 15/10/2001. Cháu Đ và cháu T đã trưởng thành nên ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng cháu T1 thì ông P đồng ý để bà B được tiếp tục nuôi dưỡng vì hiện nay cháu T1 đang do bà B nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Có 01 căn nhà cấp 4 chiều ngang 4,9m, chiều dài 14,5m được cất trên diện tích đất có chiều ngang 10m, chiều 30m; nhà và đất tọa lạc tại ấp Ranh Hạt, xã Bình Giang, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Ông P và bà B tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Ông P khai rằng vợ chồng ông không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Ý kiến của bị đơn bà Nguyễn Ngọc B trình bày như sau:*

- *Về hôn nhân:* Bà Nguyễn Ngọc B và ông Trần Cao P về chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 1994 nhưng ông bà không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có 03 con chung như ông P trình bày là đúng. Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà và ông P là do ông P có quan hệ với người phụ nữa khác bên ngoài nên hai người thường xuyên cự cãi nhau, đầu năm 2018 ông P bỏ nhà đi và hiện đang sống cùng với người phụ nữ khác. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà và ông P không còn nên khi ông P yêu cầu ly hôn thì bà B đồng ý.

- *Về con chung:* Có 03 người con chung tên Trần Cao Đ, sinh ngày 27/02/1995, Trần Cao T, sinh ngày 04/05/1997 và Trần Thị Kim T1, sinh ngày 15/10/2001. Bà B yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T1 và bà không yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng các con còn lại đã lớn nên bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Bà B thống nhất bà và ông P có 01 căn nhà cấp 4, chiều ngang 4,9m, chiều dài 14,5m được cất trên diện tích đất có chiều ngang 10m, chiều

30m; nhà và đất tọa lạc tại ấp Ranh Hạt, xã Bình Giang, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Bà B và ông P tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Bà B thừa nhận vợ chồng bà không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến nêu trên.

** Ý kiến phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất:*

- Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ giữa ông Trần Cao P và bà Nguyễn Ngọc B là vợ chồng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông P, đồng ý giao cháu Trần Thị Kim T1 cho bà B được tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ông P không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì bà B không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định vụ án này như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn xin ly hôn của ông Trần Cao P thì đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại huyện Hòn Đất nên quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

[2] Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Trần Cao P và bà Nguyễn Ngọc B đều thừa nhận quan hệ hôn nhân giữa ông P và bà B được thiết lập vào năm 1994. Ông bà về chung sống với nhau như vợ chồng trên cơ sở tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong quá trình chung sống hai bên xảy ra mâu thuẫn chủ mà chủ yếu là về tình cảm vợ chồng, do ông P có quan hệ với người phụ nữ bên ngoài nên dẫn đến việc hai người thường xuyên cự cãi nhau, đầu năm 2018 thì hai người đã sống ly thân với nhau cho đến nay. Tình cảm vợ chồng giữa ông P và bà B không còn, mâu

thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên khi ông P yêu cầu ly hôn thì được bà B đồng ý.

Tuy nhiên, quan hệ hôn nhân giữa ông P và bà B không có đăng ký kết hôn là vi phạm tại khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình 2000. Do đó Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa ông Trần Cao P và bà Nguyễn Ngọc B là vợ chồng.

- *Về quan hệ con chung:* Có 03 người con chung tên Trần Cao Đ, sinh ngày 27/02/1995, Trần Cao T, sinh ngày 04/05/1997 và Trần Thị Kim T1, sinh ngày 15/10/2001.

Xét yêu cầu của bà B; yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T1 vì hiện nay cháu T1 đang bà nuôi dưỡng, yêu cầu tiếp tục nuôi con của bà B cũng được ông P đồng ý; đồng thời theo bản tự khai của cháu T1 thì cháu T1 có nguyện vọng được ở cùng với mẹ tức là bà B. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện giao con chung của các đương sự; giao cháu Trần Thị Kim T1 cho bà B được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành.

Riêng cháu Trần Cao Đ và Trần Cao T đã trưởng thành nên ông P, bà B không yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Do bà B không yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử miễn xét.

- *Về tài sản chung:* Ông P và bà B thống nhất ông bà có 01 căn nhà cấp 4, chiều ngang 4,9m, chiều dài 14,5m được cất trên diện tích đất có chiều ngang 10m, chiều 30m; nhà và đất tọa lạc tại ấp R, xã B, huyện H, tỉnh K. Về phần tài sản này các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

- *Về nợ chun*g: Các đương sự đều xác nhận là không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến phát biểu của Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất là có cơ sở để được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận trong quá trình nghị án.

[3] Về án phí: Ông Trần Cao P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 232, 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Áp dụng Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000;

- Áp dụng các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Cao P với bà Nguyễn Ngọc B là vợ chồng.

2/ Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự, giao cháu Trần Thị Kim T1 cho bà B được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành.

Riêng cháu Trần Cao Đ và Trần Cao T đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Do bà B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Trong thời gian bà B nuôi con, ông P có quyền được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật.

Bảo lưu quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con chung khi một trong các bên có yêu cầu.

3/ Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì các chủ nợ có quyền khởi kiện ông P, bà B ở vụ kiện khác.

5/ Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc ông Trần Cao P phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số: 0002388, ngày 22/5/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, ông P không phải nộp thêm tiền án phí sơ thẩm.

6/ Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TA tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trịnh Thị Hồng Điệp